

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Hà Kiều N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2019 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Trương Hà Kiều N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, thành phố Hải

Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 14 tháng 5 năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T2.

Về con chung: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 có một con chung tên là Lê H1 sinh ngày 04/12/2014. Hiện con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do anh Lê Văn T2 đang nuôi dưỡng. Do anh Lê Văn T2 có điều kiện nuôi con, điều kiện nuôi con của chị không tốt bằng anh Lê Văn T2 nên khi ly hôn chị đề nghị anh Lê Văn T2 nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng một tháng.

Về tài sản chung: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 không có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh Lê Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2. Giao con chung tên là Lê H1 sinh ngày 04/12/2014 cho anh Lê Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Hà Kiều N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng một tháng. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Lê Văn T2 không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Trương Hà Kiều N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Lê Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Trương Hà Kiều N xin ly hôn với anh Lê Văn T2. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Hà Kiều N với anh Lê Văn T2.

[3] Về con chung: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 có một con chung tên là Lê H1 sinh ngày 04/12/2014. Khi ly hôn chị Trương Hà Kiều N đề nghị anh Lê Văn T2 nuôi con và cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng một tháng, anh Lê Văn T2 không trình bày quan điểm. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện anh Lê Văn T2, chị Trương Hà Kiều N có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, con chung đang do anh Lê Văn T2 nuôi dưỡng, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Lê H1 sinh ngày

04/12/2014 cho anh Lê Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trương Hà Kiều N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Hà Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm, cộng bằng 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Lê H1 sinh ngày 04/12/2014 cho anh Lê Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Hà Kiều N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Lê H1 sinh ngày 04/12/2014 với mức 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Hà Kiều N và anh Lê Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Hà Kiều N phải chịu 600.000 đồng án phí ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trương Hà Kiều N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0003472 ngày 11 tháng 02 năm 2020; Chị Trương Hà Kiều N còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Hà Kiều N, anh Lê Văn T2 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T1, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu